

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mộng Linh
Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 423/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 52/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973. Nơi cư trú: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 nơi cư trú số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:**

- Ông Võ Kiến T, sinh năm 1973 (vắng mặt)
- Ông Võ Hậu G, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số 164/1, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có trình bày:**

Bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T là cha ruột của ông G, hình thức mua bán ghi sổ, hai bên thỏa thuận cuối vụ tôm ông G và ông T phải thanh toán tiền thức ăn cho bà M. Việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhằm phục vụ kinh tế chung cho gia đình ông G và ông T do ông G trực tiếp giao dịch với bà M. Đến ngày 21/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 21/01/2020) hai bên tổng kết lại ông G và ông T còn nợ bà M tổng số tiền 83.698.500 đồng, khi chốt nợ Võ Kiến T có ký tên vào sổ giao nhận thức ăn nhưng không thực hiện việc trả tiền. Bà Nguyễn Thị M đã nhiều lần yêu cầu ông G và ông T phải trả nợ nhưng ông G, ông T vẫn không thực hiện. Bà Nguyễn Thị M cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền còn nợ là 83.698.500 đồng (tám mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng) đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả ngày Tòa án thụ lý (ngày 20/10/2023) cho đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 24/4/2024) với lãi suất 0.83%/tháng.

** Bị đơn ông Võ Hậu G vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng có trình bày:*

Ông thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 83.698.500 đồng (tám mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng) ông đồng ý trả số tiền này. Đối việc yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả của nguyên đơn tính từ thời điểm Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi 0,83%/tháng thì ông không đồng ý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ông không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu cha ông là ông Võ Kiến T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 83.698.500 đồng vì cha ông chỉ ký xác nhận nợ với bà M, còn việc nuôi tôm và trực tiếp mua bán giao dịch với bà M là do ông thực hiện. Cha ông là ông Võ Kiến T biết việc Tòa án thụ lý vụ án và mời giải quyết nhưng vì cha ông đi làm ăn xa không về được.

** Bị đơn ông Võ Kiến T quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Võ Hậu G, ông Võ Kiến T đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tòa án xét xử vắng mặt ông C, ông G và ông T là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính sổ giao nhận thức ăn có nội dung “TC: 83.698.500 đồng, xác nhận công nợ, AL ngày 27 tháng 12 năm 2019, Võ Kiến T” (BL 55). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa bà Nguyễn Thị M với ông Võ Hậu G, ông Võ Kiến T không được lập thành văn bản, nhưng trên cơ sở hai bên tự nguyện, tuân thủ đầy đủ về nội dung và có mở sổ theo dõi đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp.

[3] Quá trình tố tụng ông Võ Hậu G thừa nhận có nợ tiền mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị M số tiền 83.698.500 đồng nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Võ Hậu G thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm là ông Võ Hậu G ông yêu cầu cá nhân ông sẽ trả nợ cho bà M, không đồng ý tính lãi suất chậm theo yêu cầu của bà M do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và không đồng ý cùng ông Võ Kiến T liên đới trả nợ cho bà M, do ông T chỉ ký tên xác nhận nợ nhưng không trực tiếp giao dịch với bà Nguyễn Thị M nhưng quá trình tố tụng ông G không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh và yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để xem xét.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Võ Kiến T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Võ Hậu G trả 83.698.500 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho bà M. Xét thấy mặc dù sổ giao nhận thức ăn có chữ ký của ông Võ Kiến T xác nhận nợ và ông Võ Hậu G cũng thừa nhận còn nợ bà M. Việc ông G, ông T mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị M là để nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên phải có trách nhiệm chung trong việc trả nợ cho bà M. Do ông Võ Hậu G, ông Võ Kiến T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 291 Bộ luật Dân sự buộc ông Võ Hậu G1, ông Võ Kiến T có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả số tiền 83.698.500 đồng và lãi suất chậm trả cho bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả, ông Võ Hậu G thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 83.698.500 đồng và hai bên chốt nợ ngày 21/01/2020 được ông Võ Kiến T ký xác nhận nhưng không thực hiện việc trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu ông G, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi suất chậm trả của số tiền 83.698.500 đồng tính từ ngày làm Tòa án thụ lý (ngày 20/10/2023) đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 24/4/2024) tính tròn

là 06 tháng, 04 ngày với mức lãi suất 0,83%.tháng với số tiền lãi (83.698.500 đồng x 0,83% x 06 tháng, 04 ngày) tính tròn là 4.260.806 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông G, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền 87.959.306 đồng (tám mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm lẻ sáu đồng) [trong đó 83.698.500 đồng tiền gốc và 4.260.806 đồng tiền lãi] là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được chấp nhận nên ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch 4.398.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357, 468, 288 và 291 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền số tiền 87.959.306 đồng (tám mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm lẻ sáu đồng) *[trong đó 83.698.500 đồng tiền gốc và 4.260.806 đồng tiền lãi]*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hậu G và ông Võ Kiến T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 4.398.000 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 12.313.520 đồng (mười hai triệu, ba trăm mười ba ngàn năm trăm hai mươi đồng) cho bà Nguyễn Thị M (do Nguyễn Văn C nộp thay) theo biên lai thu số 0000318 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương